

CÔNG TY CỔ PHẦN NAVID
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NAVID

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NAVID JOINT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: NAVID

2. Mã số doanh nghiệp: 2301018886

3. Ngày thành lập: 05/02/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Phương Thanh, Xã Phú Hòa, Huyện Lương Tài, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0916380460

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
2.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
3.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
4.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
5.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
6.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
7.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
8.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
9.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
10.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
11.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
12.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
13.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
14.	Xây dựng công trình công ích	4220
15.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
16.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
17.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
18.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
19.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
20.	Sản xuất rượu vang	1102
21.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
22.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071

23.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
24.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
25.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
26.	Chăn nuôi khác	0149
27.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
28.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
29.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
30.	Chăn nuôi dê, cừu	0144
31.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
32.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
33.	Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự	1074
34.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
35.	Xây dựng nhà các loại	4100
36.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la	0142
37.	Chăn nuôi lợn	0145
38.	Chăn nuôi gia cầm	0146
39.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
40.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật	7210
41.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
42.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
43.	Phá dỡ	4311
44.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
45.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
46.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
47.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
48.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
49.	Đại lý du lịch	7911
50.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
51.	Điều hành tua du lịch	7912
52.	Trồng cây lâu năm khác	0129
53.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
54.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
55.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299
56.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
57.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
58.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

59.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
60.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
61.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
62.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490(Chính)
63.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
64.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
65.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
66.	Giáo dục nghề nghiệp	8532

6. Vốn điều lệ: 500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN VĂN NƠI	Thôn Phương Thanh, Xã Phú Hòa, Huyện Lương Tài, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	25.500	255.000.000	51,000	125155150	
			Tổng số	25.500	255.000.000	51,000		
2	NGUYỄN VĂN CA	Thôn Phương Thanh, Xã Phú Hòa, Huyện Lương Tài, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	19.000	190.000.000	38,000	125239471	
			Tổng số	19.000	190.000.000	38,000		
3	NGUYỄN VĂN VIÊN	Thôn Phương Thanh, Xã Phú Hòa, Huyện Lương Tài, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	5.500	55.000.000	11,000	125665639	
			Tổng số	5.500	55.000.000	11,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN NƠI

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc

Sinh ngày: 10/03/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 125155150

Ngày cấp: 26/12/2012

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Ninh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Phương Thanh, Xã Phú Hòa, Huyện Lương Tài, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Phương Thanh, Xã Phú Hòa, Huyện Lương Tài, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh